

Hoàng Mai, ngày 07 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 418/2019/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu T - sinh năm 1984

ĐKKHKT: 04 N1 TTQĐ X49 BTL Công binh, phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: P 104 ngõ 422 K, phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Lưu Đình Q - sinh năm 1980

ĐKKHKT: 04 N1 TTQĐ X49 BTL Công binh, phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: P 104 ngõ 422 K, phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 54, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; điểm 1.1 khoản 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

CHỊ BÙI THỊ THU T VÀ ANH LƯU ĐÌNH Q

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bùi Thị Thu T và anh Lưu Đình Q xác nhận có 02 con chung là Lưu Song G – sinh ngày 23/11/2009 và Lưu Song A – sinh ngày 09/9/2012. Khi ly hôn, anh Q, chị T thống nhất giao cả 02 con chung là Lưu Song G – sinh ngày 23/11/2009 và Lưu Song An – sinh ngày 09/9/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác và hàng tháng anh Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 6.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi có sự thay đổi mới.

Anh Lưu Đình Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung là động sản, nhà đất ở chung: Chị Bùi Thị Thu T và anh Lưu Đình Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Chị Bùi Thị Thu T và anh Lưu Đình Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu T tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, tự nguyện nộp thay anh Q số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai lai số AA/2018/0004159 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hoàng Mai;
- UBND xã X, TP. B, tỉnh Bắc Giang;
Số 49, ngày 25/11/2008
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Thẩm phán

Trần Thị Thúy Hà